TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH QUẢNG NINH
Bản án số:34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2018
"V/v Tranh chấp về hôn nhân & gia đình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thiên Nga**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân và ông Nguyễn Tiến Tập

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B – tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 02-7-2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 25-6-2018 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST- DS ngày 30/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/ QĐST - HNGĐ ngày 14-9-2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị C**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Tổ 9 , Khu 5B , phường V, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Ngọc T** , sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 9 , Khu 5B , phường V, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị Trần Thị C trình bày:

Chị Chị Trần Thị C và anh Lê Ngọc T kết hôn năm 2016,có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng chị hay xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình. Dù bố mẹ hai bên gia đình đã nói chuyện, khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Càng ngày cuộc sống chung càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chị C và anh T đã sống ly thân được 6 tháng nay. Từ thời điểm đó đến giờ anh T bỏ đi làm ở nơi khác, bỏ mặc vợ và các con cả về tình cảm và kinh tế. Chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Chị C và anh T có một con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 16/05/2017. Quan điểm của chị C xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Lê Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 10/7/2018 thể hiện: Trong thời gian chung sống giữa chị C và anh T có nhiều mâu thuẫn bất hòa không thể tự giải quyết được nên dẫn đến hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị C được ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị C có Lê Ngọc M, sinh ngày 16/05/2017. Quan điểm của anh cũng xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Khu trưởng khu 2, phường D, thành phố B và Chi hội trưởng chi hội phụ nữ khu 2, phường D, thành phố B cũng xác nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị C và anh T đúng như chị C đã trình bày. Nếu chị C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 17/7/2018 và ngày 22/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã triệu tập chị C và anh T để tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo thủ tục chung.

Việc anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 14/9/2018,Toà án nhân dân TP Uông Bí đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị C và anh T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa ngày 02/10/2018 anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng : Tòa án đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử .

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56 ,81,82,83,84,107,110,116,117 Luật hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Lê Ngọc T; Giao con chung Lê Ngọc M cho chị Châm trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố B. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có địa chỉ tại thành phố B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh theo qui định tại khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 25; Điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, anh Lê Ngọc T vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc T.

[**2]Về nội dung**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh năm 2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc.Thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn xô sát. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống. Dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Hai vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Anh T cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị C được ly hôn

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Khu trưởng khu 2, phường D, thành phố B và Chi hội trưởng chi hội phụ nữ khu 2, phường D, thành phố B cũng xác nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị C và anh T đúng như chị C đã trình bày. Nếu chị C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C là có cơ sở phù hợp với qui định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Lê Ngọc T có một con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 16/05/2017. Chị Trần Thị C có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Ngọc T trong buổi hòa giải đầu tiên ngày 10/7/2018 cũng có quan điểm được nuôi con chung. Nhưng đến thời điểm Tòa án giải quyết, cháu Lê Ngọc M chưa được 36 tháng tuổi và cháu Lê Ngọc M vẫn đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị C có quan điểm không yêu cầu anh Lê Ngọc T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy quan điểm của chị C là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh T, khi nào chị C có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.3]Về tài sản chung: Chị C có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản; anh Lê Ngọc T vắng mặt, không có quan điểm về tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, điểm c khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56,81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Trần Thị Châm đối với anh Lê Ngọc Tú.

2.Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn anh Lê Ngọc T.

2.2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc M, sinh ngày 16-5-2017 cho chị Trần Thị C nuôi nuôi kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị C có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện cấp dưỡng nuôi con và còn có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Lê Ngọc T nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh Lê Ngọc T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời, anh Lê Ngọc T còn có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chị Trần Thị C không có khả năng nuôi dưỡng con chung.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai số 0000437 ngày 25/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị Trần Thị C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, Toà án báo cho nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *Các đương sự*
- *VKSND TP B*
- *TAND tỉnh Q. Ninh*
- *THADS TP B.*
- *UBND phường D, thành phố B*
- *Lưu hồ sơ, án ăn*

Vũ Thị Thiên Nga

ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000437 ngày 25/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị Trần Thị Châm đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, Toà án báo cho nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Tiến Tập – Nguyễn Thị Xuân	**Vũ Thị Thiên Nga**